

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Hồng Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quốc Đạt và ông Nguyễn Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2021/TLDS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2021/QĐXXST-DS ngày 08/9/2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Hồng S, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang

2. *Bị đơn:* 1/ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975 (có mặt)

2/ Anh Hà Văn X, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị H, sinh năm 1966 Địa chỉ: thôn Đ, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2021, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Vũ Hồng S trình bày:

Vợ chồng ông và vợ chồng anh Hà Văn X, chị Nguyễn Thị L có mối quan hệ tình cảm đi lại với nhau (Do bố anh X nhận vợ ông là con nuôi). Vào tháng 9 năm 2019, vợ chồng anh X, chị L có vay tiền của vợ chồng ông làm 03 lần với tổng số tiền là 1.950.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) theo như giấy vay tiền mà ông đã giao nộp cho Tòa án, cụ thể:

Lần 1: Ngày 16/9/2019, vợ chồng anh X, chị L vay số tiền là 700.000.000 đồng, tại nhà ông. Khi vay, Anh X, chị L có viết giấy biên nhận. Lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng. Thời hạn vay là khi nào vợ chồng ông cần tiền đòi thì vợ chồng anh X, chị L phải trả.

Lần 2: Ngày 23/9/2019, vợ chồng anh X, chị L vay tiếp ông số tiền là 1.000.000.000 đồng tại công ty của ông. Ông là người trực tiếp đưa tiền cho anh X, chị L. Thời hạn vay tiền là 01 ngày, nhưng anh X nói có thể là 02 đến 03 ngày. Về lãi suất là 2,5%/ tháng, nếu trả đúng hạn thì vợ chồng ông không tính lãi đối với khoản vay này;

Lần 3: Ngày 28/9/2019, vợ chồng anh X, chị L vay tiếp ông số tiền là 250.000.000 đồng, tại nhà ông. Khi vay, anh X, chị L có nói là vay tiền để trả em trai anh X. Thời hạn vay đến đầu tháng 10 năm 2019. Lãi xuất là 2,5%/ tháng, nếu trả đúng hạn thì vợ chồng ông không tính lãi đối với khoản vay này.

Sau khi cho vay, vợ chồng ông đã nhiều lần đòi tiền thì anh X, chị L đã trả vợ chồng ông 02 lần với số tiền là 170.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 01/10/2019, vợ chồng anh X, chị L trả vợ chồng ông số tiền 100.000.000 đồng.

- Khoảng ngày 05/10/2019, vợ chồng anh X, chị L trả cho vợ chồng ông số tiền 70.000.000 đồng (do Nguyễn Văn C là con trai của chị L) mang trả.

Vợ chồng anh X, chị L còn nợ vợ chồng ông số tiền gốc vay là 1.780.000.000 đồng và ông đã khởi kiện ra Tòa án.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 23/9/2021, vợ chồng ông S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Với lý do vợ chồng ông chưa cung cấp được giấy tờ về việc trả lại cửa hàng quần áo trị giá 675.000.000 đồng và số tiền đã nhận 20.000.000 đồng là tiền gạch nên vợ chồng ông nhất trí trừ 2 khoản tiền này vào số tiền nợ của vợ chồng anh X.

Đối với số tiền vợ ông mua quần áo, lần trước 2 bên đã tính trừ đi 12.000.000 đồng là không chính xác do tính toán nhầm nay vợ ông tính lại chỉ là 9.720.000 đồng. Trừ thêm 3 khoản này, vợ chồng ông yêu cầu vợ chồng anh X phải trả vợ chồng ông số tiền nợ gốc là 1.075.280.000 đồng.

Nay ông yêu cầu vợ chồng anh X, chị L phải trả vợ chồng ông số tiền nợ gốc là 1.075.280.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo mức lãi xuất 10%/năm kể từ ngày 10/10/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản đối chất ngày 19/8/2021 và các lời khai có trong hồ sơ, bị đơn anh Hà Văn X trình bày: Anh thừa nhận việc vợ chồng anh đã vay 03 lần tiền của vợ chồng ông S, bà H với tổng số tiền là 1.950.000 đồng (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) như vợ chồng ông S trình bày là đúng sự thực. Khi vay tiền 2 bên đều lập giấy biên nhận. Anh xác nhận 03 giấy vay tiền mà ông S đã giao nộp cho Tòa án là đúng chữ ký, chữ viết của vợ chồng anh. Sau khi vay, vợ chồng anh đã trả vợ chồng ông S, bà H, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 01/10/2019, vợ chồng anh trả số tiền 100.000.000 đồng;

- Lần 2: Ngày 05/10/2019, vợ chồng anh trả số tiền 70.000.000 đồng;

- Lần 3: Vào năm 2020 (anh không nhớ ngày tháng), anh vay tiền của bố anh là ông Hà Văn B 20.000.000 đồng để trả cho vợ chồng ông S, bà H.

Lần 4: Ngoài ra, bà H có nhiều lần đến cửa hàng của nhà anh mua đồ trị giá 12.060.000 đồng. Anh tính tròn là 12.000.000 đồng và đề nghị khấu trừ vào nợ.

Lần 5: Ngày 10/10/2019, vợ chồng anh trả cho vợ chồng ông S, bà H tài sản là cửa hàng quần áo tại phố Tr, xã M, huyện L trị giá là 675.000.000 đồng. Anh đề nghị được trừ vào số tiền nợ (cháu C con trai anh là người trực tiếp bàn giao cửa hàng cho bà H).

Tổng cộng vợ chồng anh đã trả vợ chồng ông S, bà H số tiền là 877.000.000 đồng. Nay, vợ chồng ông S yêu cầu vợ chồng anh phải trả số tiền gốc vay còn nợ là 1.780.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo mức lãi xuất 10%/năm, kể từ ngày 06/10/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì anh không đồng ý. Vợ chồng anh chỉ còn nợ vợ chồng ông S là 1.043.000.000 đồng. Khi nào có tiền, vợ chồng anh nhất trí trả số nợ gốc này, còn số tiền lãi phát sinh vợ chồng anh không đồng ý trả. Vì việc vay tiền là để cùng nhau làm ăn chung. Hiện nay, vợ chồng anh cũng bị người khác nợ tiền, không trả nợ nên anh chưa có tiền để trả.

Tại biên bản đối chất ngày 19/8/2021 và các lời khai có trong hồ sơ, đồng bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị xác nhận việc chồng chị là anh X trình bày như trên là hoàn toàn đúng sự thật. Chị đồng ý với toàn bộ phần trình bày của anh X và không có ý kiến bổ sung nào khác.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/7/2021, biên bản đối chất ngày 19/8/2021 và các lời khai có trong hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị H (vợ của nguyên đơn ông Vũ Hồng S) trình bày: Bà hoàn toàn đồng ý với lời trình bày và các yêu cầu khởi kiện của ông S. Tuy nhiên, bà có một số ý kiến không nhất trí với lời trình bày của các bị đơn cụ thể như sau:

Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà anh X khai vay của ông B là bố anh để trả bà thì bà thừa nhận bà có nhận số tiền 20.000.000 đồng vào năm 2020 (bà không nhớ ngày tháng). Nhưng đây là số tiền anh X trả nợ tiền gạch xây móng nhà chứ không phải anh X trả số tiền đã vay nợ nêu trên của vợ chồng bà.

Đối với số tiền mua quần áo chịu của chị Loan 12.000.000 đồng, bà đồng ý khấu trừ vào số tiền nợ.

Bà thừa nhận ngày 10/10/2019, bà có ký biên bản thanh lý cửa hàng với cháu Công là con trai vợ chồng anh X mà chị L đã cung cấp cho Tòa án. Tổng trị giá cửa hàng quần áo là 675.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi năm triệu đồng) để trừ vào số tiền mà vợ chồng chị L, anh X còn nợ vợ chồng bà. Nhưng sau khi lấy cửa hàng quần áo thì bà không bán được hàng nên khoảng 01 tháng sau bà đã trả lại cửa hàng quần áo cho vợ chồng chị L. Khi trả lại cửa hàng quần áo thì bà không kiểm đếm, không kiểm kê lại các mặt hàng nên bà không biết giá trị cửa hàng quần áo khi bà trả lại cho vợ chồng chị L, anh X là bao nhiêu. Bà không đồng ý với việc trừ trị giá cửa hàng là 675.000.000 đồng vào khoản nợ.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 23/9/2021, vợ chồng bà có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện như ông S chồng bà đã trình bày.

Vợ chồng bà thống nhất yêu cầu vợ chồng anh Hà Văn X, chị Nguyễn Thị L phải trả vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 1.075.280.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo mức lãi xuất 10%/năm kể từ ngày 06/10/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Hồng S và bà Bùi Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày ở trên. Ngoài ra, vợ chồng ông S, bà H yêu cầu vợ chồng anh X và chị L phải thanh toán khoản nợ thứ 4 theo giấy vay tiền ghi ngày 10/3/2020 (thực tế 2 bên vay nhau ngày 29/10/2019) với số tiền 150.000.000 đồng. Khoản vay này, anh C (là con vợ chồng chị L) đã trả ngày 04/10/2019 với số tiền là 70.000.000 đồng (còn nợ lại khoản vay này là 80.000.000 đồng). Tổng cộng vợ chồng ông S, bà H đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh X, chị L trả 04 lần vay là 2.100.000.000 đồng sau khi đã trừ 05 khoản đã trả và thanh toán như ông bà đã thống nhất trình bày. Số tiền nợ còn lại ông bà đề nghị được tính lãi 10%/ năm tính từ ngày 11/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đồng bị đơn là vợ chồng anh X và chị L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông S và bà H về số nợ gốc và vẫn giữ nguyên quan điểm không nhất trí trả lãi như đã trình bày ở trên. Ngoài ra, theo vợ chồng anh X, chị L khai: Đối với giấy vay tiền ghi ngày 10/3/2020 (thực tế 2 bên vay nhau ngày 29/10/2019 với số tiền 150.000.000 đồng) mà vợ chồng ông S khởi kiện bổ sung tại phiên tòa thì chị L xác nhận chữ ký bên vay tiền là do chị ký. Số nợ này thì con trai anh chị là Nguyễn Văn C đã trả cho bà H 70.000.000 đồng vào ngày 04/10/2019. Đối với số tiền quần áo do có sự nhầm lẫn khi tính toán thì vợ chồng anh chị nhất trí với số tiền vợ chồng ông S và Tòa án đã tính toán lại là 9.720.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đã thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng S: Buộc vợ chồng anh Hà Văn X, chị Nguyễn Thị L phải trả cho chị vợ chồng ông Vũ Hồng S, bà Bùi Thị H tổng số tiền gốc vay còn nợ là 1.145.280.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/ năm tính từ ngày 10/10/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 225.557.000 đồng, tổng cộng là 1.370.837.000 đồng (Một tỷ ba trăm bảy mươi triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn đồng). Không chấp nhận khoản vay khởi kiện bổ sung tại phiên tòa vì vượt quá yêu cầu khởi kiện.

-Về án phí: Buộc vợ chồng anh Hà Văn X và chị Nguyễn Thị L phải chịu 53.125.000 đồng tiền án phí dân sự theo quy định. Trả lại ông S tiền tạm ứng án phí ông đã nộp.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có mặt, nên vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ vay tài sản (tiền) giữa ông S và vợ chồng anh X, chị L là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân. Các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh nên nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang thụ lý và giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy:

Trong khoảng thời gian vào tháng 9 năm 2019, vợ chồng ông S và vợ chồng anh X, chị L đã có 03 lần thực hiện việc vay tài sản (tiền) của nhau với tổng số tiền là 1.950.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng). Khi vay, các bên đều lập giấy biên nhận vay tiền, trực tiếp đưa tiền cho nhau. Trong giấy vay tiền ghi rõ về lãi suất cũng như thời hạn trả tiền là khi nào vợ chồng ông S, bà H cần tiền thì chị L, anh X sẽ trả. Sau khi cho vay tiền, vợ chồng ông S, bà H đã nhiều lần đòi tiền thì vợ chồng chị L, anh X mới trả được 01 phần nợ. Ngày 08/4/2021, ông S nộp đơn khởi kiện, yêu cầu vợ chồng anh X, chị L phải thanh toán trả số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh. HĐXX thấy đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 184, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, 463 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Trước ngày mở phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên yêu cầu khởi kiện được Tòa án tiếp tục giải quyết theo quy định.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

- Về số tiền gốc: Qua lời khai thừa nhận có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, HĐXX xác định: Vợ chồng anh X, chị L đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông S, bà H, cụ thể: Ngày 16/9/2019, anh X chị L vay số tiền là 700.000.000 đồng; Ngày 23/9/2019, anh X chị L vay số tiền là 1.000.000.000 đồng; Ngày 28/9/2019, anh X chị L vay số tiền là 250.000.000 đồng, tổng cộng là 1.950.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng). Khi vay tiền các bên giao nhận tiền trực tiếp với nhau, đều lập giấy biên nhận, đều ghi rõ về lãi suất, không quy định thời hạn trả tiền (trừ khoản vay ngày 23/9/2019) và thống nhất khi nào vợ chồng ông S, bà H cần tiền đòi thì vợ chồng anh X, chị L phải trả. Như vậy, giữa vợ chồng ông

S, bà H và vợ chồng anh X, chị L đã xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo diễn biến quá trình giải quyết vụ án và sự thừa nhận của các bên thì vợ chồng anh X đã trả nợ 2 lần được 170.000.000 đồng, cộng với số tiền 9.720.000 đồng trừ vào việc mua quần áo thì vợ chồng anh X đã trả nợ cho vợ chồng ông S số tiền là 179.720.000 đồng.

Đối với yêu cầu của vợ chồng anh X về việc đề nghị được khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng (anh X vay của bố anh là ông B) đã trả cho bà H và khấu trừ số tiền 675.000.000 đồng giá trị cửa hàng quần áo mà vợ chồng anh X đã bàn giao cho bà H vào số tiền nợ, HĐXX thấy rằng: Bà H - vợ ông S đã thừa nhận, nhận số tiền 20.000.000 đồng. Bà H cũng thừa nhận: Ngày 10/10/2019, bà có ký biên bản thanh lý và nhận cửa hàng quần áo tại phố Tr, xã M của gia đình anh X trị giá là 675.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H trình bày việc bà nhận số tiền 20.000.000 đồng là số tiền anh X trả tiền gạch xây móng nhà chứ không phải trả vào số tiền nợ. Đối với giá trị cửa hàng quần áo thì sau khi lấy cửa hàng quần áo, bà không bán được hàng nên sau một tháng bà đã trả lại cho vợ chồng anh X. Khi trả lại cửa hàng quần áo, bà H không kiểm đếm, kiểm kê lại các mặt hàng nên không biết giá trị cửa hàng quần áo đã trả lại cho vợ chồng anh X, chị L là bao nhiêu. HĐXX thấy rằng: Ngoài lời khai của bà H thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh về việc bà H nhận số tiền 20.000.000 đồng là tiền anh X trả bà tiền gạch xây móng nhà và khi bà trả lại cửa hàng quần áo cho gia đình chị L, anh X thì bà H cũng không lập giấy tờ gì xác định trị giá cửa hàng khi trả lại.

Trước ngày mở phiên tòa, vợ chồng ông S đã rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp. Vì vậy, yêu cầu được khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng và số tiền 675.000.000 đồng vào số tiền nợ gốc của vợ chồng anh X, chị L là có cơ sở, cần được chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu được giải quyết khoản vay thứ 4 theo giấy vay ghi ngày 10/3/2020 (thực tế là vay ngày 29/10/2019) với số tiền là 150.000.000 đồng. HĐXX thấy yêu cầu này là vượt quá yêu cầu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu bổ sung trong vụ án này. Tuy nhiên, do hai bên đều thừa nhận vợ chồng chị L đã trả nợ khoản vay này là 70.000.000 đồng, nên số tiền đã trả 70.000.000 đồng này cần được tách ra khi vợ chồng ông S khởi kiện ở vụ án khác với khoản vay này. HĐXX xác định tổng số tiền mà vợ chồng chị L, anh X đã thanh toán, trả cho vợ chồng ông S, bà H là 804.720.000 đồng (Tám trăm linh bốn triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

Do vậy, số tiền vợ chồng chị L, anh X còn nợ vợ chồng ông S, bà H là 1.145.280.000 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng).

- Về lãi suất: Khi vay tiền các bên có lập giấy biên nhận vay tiền, ghi rõ đến khi nào đòi thì trả. Lãi suất thỏa thuận là 2,5 %/tháng. Vì vậy, HĐXX xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 469

Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, lãi suất này là cao so với quy định. Vì vậy, lãi suất được tính theo quy định tại Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Nguyên đơn yêu cầu được tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

- Về thời hạn tính lãi suất: Sau khi vợ chồng ông S, bà H nhiều lần đòi tiền thì vợ chồng anh X, chị L đã thanh toán trả được cho vợ chồng ông S, bà H được tổng số tiền là 804.720.000 đồng như trên đã nêu. Lần cuối cùng trả nợ được xác định là ngày trả số hàng hóa quần áo ngày 10/10/2019 tại phố Tr, xã M trị giá là 675.000.000 đồng. Như vậy, thời gian tính lãi được xác định là kể từ sau ngày ký biên bản thanh lý cửa hàng (là ngày 11/10/2019). Phù hợp với yêu cầu về thời hạn tính lãi suất của nguyên đơn đã yêu cầu.

Về trách nhiệm thanh toán: Các đương sự đều xác định quan hệ vay tiền trên là nợ chung của vợ chồng anh X, chị L. Ông S yêu cầu vợ chồng anh X, chị L phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông là có căn cứ.

Do vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc vợ chồng anh X, chị L phải trả cho vợ chồng ông S, bà H số tiền gốc vay còn nợ là 1.145.280.000 đồng và số tiền lãi phát sinh tính từ sau ngày bà H ký biên bản thanh lý cửa hàng quần áo (ngày 10/10/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2021 là phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự. Cụ thể tiền lãi được tính là 01 năm 11 tháng 19 ngày theo mức lãi suất 10%/năm là $(1.145.280.000đ \times 10\% \times 01 = 114.528.000 đ) + (1.145.280.000đ \times 10\%/12 \times 11 = 104.984.000 đ) + (1.145.280.000đ \times 10\%/360 \times 19 = 6.045.000 đ) = 225.557.000 đ$, tổng cộng cả gốc và lãi là: 1.370.837.000 đồng (Một tỷ ba trăm bảy mươi triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

[4] Về án phí: Vợ chồng anh Hà Văn X, chị Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể: Vợ chồng anh X phải chịu 53.125.000 đồng $(36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \text{ của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá } 800.000.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + 3 \times 570.837.000 \text{ đồng} : 100 = 53.125.110 \text{ đồng, tính tròn là } 53.125.000 \text{ đồng})$.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả ông S số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 186, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án, **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng S.

Buộc vợ chồng anh Hà Văn X, chị Nguyễn Thị L phải thanh toán trả vợ chồng ông Vũ Hồng S, bà Bùi Thị H số tiền nợ gốc là 1.145.280.000 đồng, số tiền nợ lãi là 225.557.000 đ, tổng cộng: 1.370.837.000 đồng (Một tỷ ba trăm bảy mươi triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

2. Về án phí: Anh Hà Văn X, chị Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 53.125.000 đồng (Năm mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Vũ Hồng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Vũ Hồng S 32.700.000 đồng (Ba mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng) ông đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002963 ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND, THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thân Hồng Giang